

Bản án số:102/2018/HS-ST

Ngày: 03/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thúc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Đình Ghi.

Ông Nguyễn Đức Tường Thoại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Thi, Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (Địa chỉ: 60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Ngọc B (tên khác: T), sinh ngày 27 tháng 9 năm 1987 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Kiệt 294 đường P, phường T, thành phố Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trung V (đã chết) và bà Trương Thị Ngọc A, sinh năm 1964; có vợ Phan Thị Thanh T, sinh năm 1987, hiện đang thi hành án phạt tù tại Trại giam Bình Điền, Tổng cục VIII, Bộ Công an; con: có 01 con Lê Trương Thúy H, sinh năm 2009; nhân thân: Từ nhỏ ở với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 10/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Ngày 06/3/2003, bị Công an phường T, thành phố Huế ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 07/9/2003, bị Ủy ban nhân dân thành phố Huế ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số 3 Đà Nẵng trong thời hạn 24 tháng. Ngày 19/3/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 11/7/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền án: 01 tiền án. Ngày 17/8/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán, tàng trữ trái phép

chất ma túy” theo bản án số 106/2011/HSPT. Ngày 30/8/2016 chấp hành xong trở về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội mới.

Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2018; tạm giam từ ngày 14/01/2018 cho đến nay, có mặt.

* Người làm chứng:

- Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: 12/14/253 đường Đ, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Ông Đặng Minh Đ, sinh năm 1958; Địa chỉ: 1/20/143 đường P, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 11/01/2018, tại nhà của bà Trương Thị Ngọc A (sinh năm 1964) ở kiết 294 đường P, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã bắt quả tang và thu giữ trong người 01 đối tượng khai tên Trần Văn Q (tên gọi khác: M, sinh ngày 13/6/1986, trú tại: Khu vực 3, phường T, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế) 01 (một) gói ni lông màu trắng bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng. Q khai là ma túy vừa mua của Lê Ngọc B với giá 300.000 đồng; thu giữ trong người B số tiền 300.000 đồng. B khai vừa nhận từ Q để mua giúp ma túy cho Q.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Ngọc B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện thu giữ một hộp nhựa màu đen có ký hiệu chữ POLICE bên trong có chứa 02 (hai) gói ni lông bên trong chứa tinh thể chất rắn màu trắng; 01 (một) gói ni lông bên trong chứa chất bột khô màu trắng; 01 (một) gói ni lông bên trong chứa một cục chất bột khô màu hồng.

Lê Ngọc B khai nhận: Số ma túy thu giữ khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế khám xét và do B mua vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 09/01/2018, tại kiết 294 đường Phan Bội Châu, phường Trường An, thành phố Huế của một đối tượng tên V (không rõ nhân thân lai lịch) để về sử dụng. Sau khi B lấy một ít ma túy ra để sử dụng, số còn lại B đem cất giấu trong phòng ngủ tại nhà riêng để sử dụng. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 11/01/2018, Trần Văn Q là người quen liên lạc qua điện thoại nhờ mua giúp 300.000 đồng ma túy để sử dụng, B đồng ý và hẹn Q đến nhà. Khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày Q đến và đưa 300.000 đồng để nhờ mua giúp ma túy nhưng vừa nhận tiền thì bị bắt, gói ma túy thu của Q không phải là của B. Quá trình điều tra xác minh tại Khu vực 3, phường T, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế không có đối tượng tên Trần Văn Q.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ trong người Bảo 300.000 đồng tiền B vừa nhận từ Q.
- Thu giữ trong người Q 01 (một) gói ni lông màu trắng bên trong chứa tinh thể chất rắn màu trắng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Blackberry vỏ màu trắng đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo vỏ màu hồng trắng.

Thu giữ tại chỗ ở của B:

- 01 (một) hộp nhựa màu đen có ký hiệu chữ POLICE bên trong có chứa 02 (hai) gói ni lông bên trong chứa tinh thể chất rắn màu trắng;
- 01 (một) gói ni lông bên trong chứa chất bột khô màu trắng;
- 01 (một) gói ni lông bên trong chứa một cục chất bột khô màu hồng.

Tại bản kết luận giám định số 08/GĐ ngày 12/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong gửi giám định thu giữ trong người Trần Văn Q là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng là 0,0441 gam (không phẩy không bốn bốn một gam);
- Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong hai gói ni lông thu giữ tại nơi ở của Lê Ngọc B là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng là 8,3812 gam (tám phẩy ba tám một hai gam);
- Mẫu chất bột khô màu trắng trong gói niêm phong gửi giám định thu giữ tại nơi ở của Lê Ngọc B là ma túy loại Ketamine có khối lượng 0,0935 gam (không phẩy không chín ba năm gam);
- Không phát hiện có các chất ma túy thường gặp (quy định trong các danh mục chất ma túy và tiền chất tại Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 và Nghị định số 126/2015/NĐ-CP ngày 09/12/2015 của Chính phủ) trong mẫu cục chất bột khô màu hồng gửi giám định thu giữ tại nơi ở của Lê Ngọc B.

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Ngọc B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 91/CT-VKS-HS ngày 22/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Ngọc B về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm n, okhoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm theo bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Ngọc B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đề nghị áp dụng điểm n, o khoản 2 Điều 249; điểmskhoản 1 Điều 51Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Ngọc Bảo từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: Số ma túy thu giữ còn lại sau khi đã giám định. Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng thu giữ trong người bị cáo vừa nhận từ Q. Đề nghị tịch thu sung

vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo vỏ màu hồng trắng. Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Blackberry vỏ màu trắng đen.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Ngọc B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp khách quan với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Vào lúc 13 giờ 40 phút ngày 11/01/2018, tại nhà của bà Trương Thị Ngọc A (nơi ở của Lê Ngọc B) ở kiệt 294 đường P, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Lê Ngọc B bị bắt quả tang đang tàng trữ 8,3812gam (tám phẩy ba tám một hai gam) ma túy loại Methamphetamine và 0,0935 gam (không phẩy không chín ba năm gam) ma túy loại Ketamine; toàn bộ số ma túy trên được Lê Ngọc B tàng trữ nhằm mục đích sử dụng. Do Lê Ngọc B tàng trữ 02 chất ma túy gồm: Ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 8,3812 gam (tám phẩy ba tám một hai gam) được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự và ma túy và ma túy loại Ketamine có khối lượng 0,0935 gam (không phẩy không chín ba năm gam), nên tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng các chất ma túy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là:

Đối với 8,3812gam ma túy loại Methamphetamine, tỷ lệ phần trăm so với mức tối thiểu tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 249 là: $(8,3812\text{gam} : 30\text{gam}) \times 100\% = 27,9373\%$. Đối với 0,0935 gam ma túy loại Ketamine, tỷ lệ phần trăm so với mức tối thiểu tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 249 là: $(0,0935\text{gam} : 100\text{gam}) \times 100\% = 0,0935\%$. Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng các chất ma túy trên là: $27,9373\% + 0,0935\% = 28,0308\%$.

Do tổng tỷ lệ các chất ma túy so với mức tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự là 28,0308%, thuộc trường hợp dưới 100%, nên Lê Ngọc B đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, tại bản án số 106/2011/HSPT ngày 17/8/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua

bán, tàng trữ trái phép chất ma túy” đã xác định bị cáo Lê Ngọc B là tái phạm. Đây là tiền án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích nên lần này bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo Lê Ngọc B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm n, o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với nam thanh niên tên V bán ma túy cho Lê Ngọc B, do không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có cơ sở xử lý. Đối với đối tượng khai tên Trần Văn Q khai mua 0,0441 gam ma túy loại Methamphetamine của Lê Ngọc B, do chưa xác định được lai lịch, địa chỉ của đối tượng này để điều tra về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra tiếp tục tiến hành điều tra để xử lý.

[3] Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, không những xâm phạm đến chính sách của Nhà nước về thống nhất quản lý đặc biệt chất ma túy mà còn gây tác hại trực tiếp đến sức khỏe con người, ảnh hưởng đến nòi giống, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có ma túy để sử dụng nên bị cáo đã phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt hành chính và xử phạt tù nên cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm khắc và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, cũng cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “Người phạm tội thành khẩn khai báo” là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt bị cáo 06 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- + Số ma túy thu giữ còn lại sau khi đã giám định là 8,2812 gam (tám phẩy hai tám một hai gam) mẫu tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong: Đây là vật cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

- + Đối với số tiền 300.000 đồng thu giữ trong người bị cáo vừa nhận từ Q là số tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- + Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo vỏ màu hồng trắng, bị cáo đã sử dụng để liên lạc mua ma túy từ V nên phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Blackberry vỏ màu trắng đen do không sử dụng vào việc phạm tội.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo Lê Ngọc B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm n, o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc B 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ 11/01/2018.

Về xử lý vật chứng:

- + Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói ma túy đã qua giám định;
- + Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng);
- + Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo vỏ màu hồng trắng.
- + Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Blackberry vỏ màu trắng đen.

Tất cả vật chứng trên có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Về án phí: Bị cáo Lê Ngọc B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, thông báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp;
- VKSND thành phố Huế;
- Cơ quan CATP Huế;
- Phòng PV27 Công an tỉnh TT Huế;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp Huế;
- Bị cáo;
- THA HS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúc Mỹ